



Phụ lục III

BẢN XÁC NHẬN THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01. Bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN XÁC NHẬN THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA XE CƠ GIỚI THÔNG TIN CHUNG

Biển số xe:	Tình trạng phương tiện:
Loại phương tiện:	
Không phát thải trực tiếp các-bon ra môi trường: ☐	
Phương tiện giao thông thông minh: ☐	
Nhãn hiệu / Tên thương mại:	Mã kiểu loại:
Số khung:	Vị trí:
Số động cơ:	Vị trí:
Năm sản xuất:	Nước sản xuất:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE CƠ GIỚI

Thông số kích thước, khối lượng cơ bản	
Kích thước bao (DxRxC) (mm):	Kích thước lòng / bao thùng xe / bao xi téc (mm):
Công thức bánh xe:	Vết bánh xe (mm):
Khoảng cách trục (mm):	Số người cho phép chở (không kể chỗ của người lái xe) (ngồi/đứng/nằm/xe lăn):
Khối lượng bản thân (kg):	Khối lượng kéo theo thiết kế / cho phép lớn nhất (kg): /
Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế / cho phép lớn nhất (kg): /	
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế / cho phép lớn nhất (kg): /	
Khối lượng toàn bộ phân bổ lên chốt kéo (kg):	
Sử dụng động cơ đốt trong ☐	Sử dụng động cơ điện ☐
Động cơ đốt trong	
Ký hiệu:	Loại động cơ:

Loại nhiên liệu:		Thể tích làm việc (cm ³):	
Xe hybrid: (ghi tên loại xe hybrid, ví dụ: MHEV, FHEV, PHEV....).		Mô men xoắn lớn nhất / tốc độ quay (N.m/rpm):	
Công suất lớn nhất/ tốc độ quay (kW/rpm):			
Động cơ điện			
Ký hiệu:		Loại động cơ:	
Tổng công suất của động cơ điện (kW):		Loại pin (ắc quy) / điện áp - dung lượng (V-kWh):	
Hệ thống truyền lực			
Kiểu ly hợp:		Dẫn động ly hợp:	
Kiểu hộp số chính:	Số cấp tiến:	Có hộp số phụ:	Số cấp tiến:
Trục dẫn hướng:		Trục chủ động:	
Hệ thống lái			
Kiểu cơ cấu lái:		Kiểu dẫn động:	
Hệ thống phanh			
Cơ cấu phanh: (trục 1, trục 2, ...)		Kiểu dẫn động phanh chính:	
Loại phanh đỗ:		Loại phanh hỗ trợ:	
Thông tin các trục			
TT	Kiểu treo	Kiểu giảm chấn	Số lớp
1			
2			
Thiết bị đặc trưng, chuyên dùng:			
(Mô tả thiết bị đặc trưng (nếu có))			

Đăng kiểm viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.... tháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe máy chuyên dùng
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN XÁC NHẬN THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE MÁY CHUYÊN DÙNG

THÔNG TIN CHUNG

Biển số xe:	Tình trạng phương tiện:
Loại phương tiện:	
Nhãn hiệu / Tên thương mại:	Mã kiểu loại:
Số khung:	Vị trí:
Số động cơ:	Vị trí:
Năm sản xuất:	Nước sản xuất:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Khối lượng bản thân (kg):	
Kích thước bao (DxRxC) (mm):	
Động cơ đốt trong	Động cơ điện
- Ký hiệu, loại động cơ:	- Ký hiệu, loại động cơ:
- Loại nhiên liệu:	- Tổng công suất (kW):
- Công suất lớn nhất / tốc độ quay (kW/rpm):	- Loại ắc quy / điện áp-dung lượng (V-kWh):
Vận tốc di chuyển lớn nhất (km/h):	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG

(Ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng được hướng dẫn tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu).

Thông số kỹ thuật	Giá trị	Đơn vị

Đăng kiểm viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng ... năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm
(Ký tên, đóng dấu)